

*Bản án số: 104/2021/HNGĐ-ST*

*Ngày: 29/9/2021*

*V/v: Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

*- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu*

*Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Phạm Lành*

*2. Ông Nguyễn Khắc Thái Sơn*

*- Thư ký Toà án ghi B bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền - Thư ký Toà án nhân dân TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Không tham gia*

Ngày 29/9/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 536/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:109/2021/QĐXX - ST ngày 14/9/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; có mặt tại phiên tòa*

*Bị đơn: Anh Lãng Xuân B, sinh năm 1983; có đơn xin xét xử vắng mặt*

*Đăng ký HKTT: XómĐ, xã T, huyện Đồng Hỷ Thái Nguyên.*

*Địa chỉ hiện nay Tô 2, phường Th TP. Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh Lãng Xuân B kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và có tổ chức cưới hỏi theo ghi thức truyền thống. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh B mãi chơi không tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và sống ly thân nhau năm 2020 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ở mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lăng Nguyễn Thái L 1, sinh ngày 28/01/2010, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lăng Xuân B trình bày: Năm 2009 anh kết hôn với chị Nguyễn Thị L có tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi vã không có tiếng nói chung vợ chồng sống ly thân nhau năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lăng Nguyễn Thái L 1, sinh ngày 28/01/2010, anh nhất trí để chị L được trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:*

[1] Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lăng Xuân B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B.

*Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lăng Xuân B kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Quá trình chung sống chị L và anh B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh B cũng nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh B đã trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, việc duy trì quan hệ hôn nhân, không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị Nguyễn Thị L

được ly hôn anh Lãng Xuân B là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lãng Nguyễn Thái L 1, sinh ngày 28/01/2010, hiện đang ở với chị L, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh B cũng nhất trí để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của cháu L1 xin được ở với mẹ. Hiện tại chị L đi làm có thu nhập ổn định, vì vậy giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung vợ chồng: Các bên đương sự tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của Nguyễn Thị L đối với anh Lãng Xuân B. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lãng Xuân B.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lãng Nguyễn Thái L 1, sinh ngày 28/01/2010 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung vợ chồng: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào từ tiền tạm ứng án phí theo B lai số 0005531 ngày 14/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh B vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND xã Tân Long, huyện Đông Hỷ,  
Tỉnh Thái Nguyên.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Quý Sửu**